

## CÁC ĐẶC TRƯNG MẪU

---\*\*\*---

1/ Khảo sát năng suất của một giống lúa tại một tỉnh thành, ta được kết quả sau:

Năng suất (tạ/ha)	60-65	65-70	70-75	75-80
Số hecta	5	12	21	9

Xác định năng suất trung bình mẫu của giống lúa trên.

- A. 71,12
- B. 68,41
- C. 62,16
- D. 74,39

2/ Khảo sát đường kính của một số táo chín của một loại táo, ta được kết quả sau:

Đường kính (cm)	6-7	7-8	8-9	9-10
Số quả	8	15	37	18

Xác định đường kính trung bình mẫu của số táo trên.

- A. 8,33
- B. 7,51
- C. 7,26
- D. 9,14

3/ Khảo sát đường kính của một số táo chín của một loại táo, ta được kết quả sau:

Đường kính (cm)	6-7	7-8	8-9	9-10
Số quả	8	15	37	18

Xác định độ lệch chuẩn mẫu của đường kính của số táo trên.

- A. 0,903
- B. 0,816
- C. 1,027
- D. 1,115

4/ Khảo sát đường kính của một số táo chín của một loại táo, ta được kết quả sau:

Đường kính (cm)	(6;7]	(7;8]	(8;9]	(9;10]
Số quả	8	15	37	18

Xác định tỉ lệ mẫu của táo có đường kính không quá 8cm trong số táo trên.

- A. 0,295
- B. 23
- C. 0,03
- D. 0,197

5/ Khảo sát trọng lượng của một số trái cây chín của một cây, ta được kết quả sau:

Trọng lượng (gram)	(200;250]	(250;300]	(300;350]	(350;400]
Số trái	12	21	38	9

Xác định tỉ lệ mẫu của trái cây chín có trọng lượng không quá 300gram trong số trái cây trên.

- A. 0,4125
- B. 33
- C. 0,15
- D. 0,2361

6/ Khảo sát trọng lượng của một số trái cây chín của một cây, ta được kết quả sau:

Trọng lượng (gram)	(200;250]	(250;300]	(300;350]	(350;400]
Số trái	12	21	38	9

Xác định trọng lượng trung bình mẫu của số trái cây chín trên.

- A. 302,5
- B. 332,1
- C. 269,7
- D. 287,4

7/ Khảo sát trọng lượng của một số trái cây chín của một loại cây, ta được kết quả sau:

Trọng lượng (gram)	(200;250]	(250;300]	(300;350]	(350;400]
Số trái	12	21	38	9

Xác định độ lệch chuẩn mẫu của trọng lượng số trái cây chín trên.

- A. 44,22
- B. 33,11
- C. 1980,9
- D. 1955,7

8/ Khảo sát năng suất của một giống lúa tại một tỉnh thành, ta được kết quả sau:

Năng suất (tạ/ha)	60-65	65-70	70-75	75-80
Số hecta	5	12	21	9

Xác định độ lệch chuẩn mẫu của năng suất giống lúa trên.

- A. 4,51
- B. 6,23
- C. 4,16
- D. 3,25

9/ Tại một trại nuôi heo, người ta áp dụng thử một loại thuốc tăng trọng bổ sung vào khẩu phần ăn. Sau thời gian 3 tháng khảo sát được kết quả như sau:

Trọng lượng (kg)	67	68	69	70	71
Số heo ( $n_i$ )	3	9	17	8	4

Tìm trọng lượng trung bình của số heo nói trên.

- A. 69,02
- B. 68,23
- C. 67,95
- D. 69,86

10/ Thử nghiệm một giống lúa trên đất trồng ở huyện X. Sau khi thu hoạch vụ đầu tiên, được bảng số liệu sau:

Năng suất (tạ/ha)	30	33	35	37	38
Số ha ( $n_i$ )	13	29	48	35	17

Tìm năng suất trung bình mẫu của giống lúa trên.

- A. 32,15
- B. 34,99
- C. 33,62
- D. 35,86

11/ Thử nghiệm một giống lúa trên đất trồng ở huyện X. Sau khi thu hoạch vụ đầu tiên được bảng số liệu sau:

Năng suất (tạ/ha)	30	33	35	37	38
Số ha ( $n_i$ )	13	29	48	35	17

Tìm độ lệch chuẩn mẫu của năng suất giống lúa trên.

- A. 2,36
- B. 2,28
- C. 1,37
- D. 3,62

12/ Đo chiều dài của 60 lá dương xỉ trưởng thành, ta có kết quả sau:

Chiều dài (cm)	10-20	20-30	30-40	40-50
Số lá	8	18	24	10

Tỉ lệ lá có chiều dài từ 30cm đến 50 cm và chiều dài trung bình của một lá dương xỉ trong mẫu trên là:

- A. 56,67% và 31cm
- B. 56,00% và 26cm
- C. 56,67% và 36cm
- D. 57,00% và 36cm

13/ Tỉ lệ phế phẩm của một máy sản xuất là 3%. Nếu kiểm tra 100 sản phẩm do máy này sản xuất thì khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Số phế phẩm trong 100 sản phẩm được kiểm tra bằng 3.

- B. Số phế phẩm trong 100 sản phẩm được kiểm tra không thể lớn hơn 3.  
 C. Số phế phẩm trong 100 sản phẩm được kiểm tra không thể nhỏ hơn 3.  
 D. Số phế phẩm trong 100 sản phẩm được kiểm tra có thể khác 3.

14/ Nhà trường muốn đánh giá số giờ tự học của sinh viên, khảo sát một số sinh viên, nhận được kết quả như sau:

Số giờ tự học	6	7	8	9	11
Số sinh viên	3	6	9	5	2

Tìm số giờ tự học trung bình mẫu của sinh viên.

- A. 6,27  
 B. 7,96  
 C. 8,34  
 D. 7,05

15/ Khảo sát cân nặng (kg) của một số em bé sơ sinh tại một bệnh viện trong những tháng gần đây, ta được :

Cân nặng	[2,7;2,9)	[2,9;3,1)	[3,1;3,3)	[3,3;3,5)	[3,5;3,7)
Số em bé	13	27	38	19	3

Hãy tính tỉ lệ bé sơ sinh có cân nặng ít hơn 3,1kg trong mẫu trên.

- A. 0,13  
 B. 0,4  
 C. 0,78  
 D. 0,27